

Số :1008/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **8/10/2017**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	580	0.97%
2	BMP	140	0.89%
3	BVH	230	1.06%
4	CII	630	1.75%
5	CTD	110	1.89%
6	CTG	1,280	1.98%
7	DHG	160	1.42%
8	DPM	540	1.02%
9	FPT	1,460	5.82%
10	GAS	330	1.72%
11	GMD	520	1.74%
12	HPG	3,120	8.19%
13	HSG	720	1.65%
14	KBC	1,200	1.44%
15	KDC	420	1.50%
16	MBB	3,230	5.98%
17	MSN	1,760	6.09%
18	MWG	690	5.93%
19	NT2	300	0.69%
20	NVL	710	3.83%
21	PVD	650	0.79%
22	REE	640	1.89%
23	ROS	410	3.21%
24	SAB	330	6.58%
25	SBT	520	1.35%
26	SSI	1,090	2.27%
27	STB	4,400	4.28%
28	VCB	1,230	3.83%
29	VIC	2,870	10.29%

30	VNM	790	9.76%
----	-----	-----	-------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,211,709,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,213,546,233

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 1,836,733

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	61,710	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 8/10/2017	Kỳ này/This period 8/9/2017	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	81,500,000	81,500,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	12,200	12,300	-100
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	989,040,180,130	1,004,872,833,369	-15,832,653,239
của một lô ETF/per Creation Unit	1,213,546,233	1,240,583,745	-27,037,512
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,135.46	12,405.83	-270.37
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	789.92	787.73	2.19

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM

